



02/01
9h30

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Marketing căn bản - 1104006

Mã lớp học phần: 110400602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210140002	Lê Đoàn Phương An	30/11/1994		7	bảy	C14TC1	
2	1210140003	Lê Thị Việt Anh	14/12/1994		6.3	sáu phẩy ba	C14TC1	
3	1210140006	Phạm Loan Anh	24/05/1994		6	sáu	C14TC1	
4	1210140007	Trần Đoàn Anh	23/05/1994		8.7	tám phẩy bảy	C14TC1	
5	1210140008	Trương Lữ Nguyệt Anh	06/02/1992		7	bảy	C14TC1	
6	1210140001	Nguyễn Hoàng Ân	01/01/1992		6.7	sáu phẩy bảy	C14TC1	
7	1210140009	Thạch Thị Sa Bene	06/02/1992		8.3	tám phẩy ba	C14TC1	
8	1210140011	Võ Thị Cẩm Bình	20/04/1993		7.3	bảy phẩy ba	C14TC1	
9	1210140010	Đoàn thị Ngọc Bích	03/08/1994		8	tám	C14TC1	
10	1210140012	Bành Gia Bội	20/10/1994		8	tám	C14TC1	
11	1210140013	Nguyễn Võ Sơn Ca	02/08/1994		6.7	sáu phẩy bảy	C14TC1	
12	1210140014	Lê Hải Châu	31/10/1992				C14TC1	
13	1210140015	Nguyễn Thị Viễn Châu	22/01/1994		7	bảy	C14TC1	
14	1210140016	Trương Lê Ngọc Châu	28/01/1990		7.7	bảy phẩy bảy	C14TC1	
15	1210140017	Lê Hồng Chiến	09/11/1993		7	bảy	C14TC1	
16	1210140019	Nguyễn Thanh Chung	10/02/1994				C14TC1	
17	1210140021	Trần Minh Cường	20/08/1994				C14TC1	
18	1210140022	Nguyễn Văn Danh	26/10/1994				C14TC1	
19	1210140031	Nguyễn Thị Kim Dung	26/12/1994				C14TC1	
20	1210140032	Huỳnh Minh Duy	23/03/1994		6	sáu	C14TC1	
21	1210140033	Trần Thị Thanh Duyên	01/05/1994		6	sáu	C14TC1	
22	1210140023	Nguyễn Dư	15/10/1994		8	tám	C14TC1	
23	1210140024	Lê Thị Thùy Dương	18/03/1994		8	tám	C14TC1	
24	1210140025	Ngô Minh Dương	09/10/1994		7.3	bảy phẩy ba	C14TC1	
25	1210140026	Nguyễn Hoàng Dương	01/04/1994		8.3	tám phẩy ba	C14TC1	
26	1210140027	Nguyễn Mỹ Thùy Dương	10/01/1993		6.7	sáu phẩy bảy	C14TC1	
27	1210140028	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/02/1994		7	bảy	C14TC1	
28	1210140029	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/08/1994		6.3	sáu phẩy ba	C14TC1	
29	1210140035	Đỗ Thị Lệ Giang	20/11/1992		6.3	sáu phẩy ba	C14TC1	
30	1210140036	Phạm Nguyễn Trường Giang	06/10/1994		6	sáu	C14TC1	
31	1210140037	Nguyễn Thanh Giàu	15/04/1994				C14TC1	
32	1210140038	Phan Thị Giàu	19/01/1994		6	sáu	C14TC1	
33	1210140051	Nguyễn Hoàng Hà	25/03/1994		6.3	sáu phẩy ba	C14TC1	
34	1210140052	Nguyễn Khánh Hà	01/08/1994		6.3	sáu phẩy ba	C14TC1	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1210140053	Nguyễn Thị Thu Hà	24/02/1994	<i>[Signature]</i>	8	tám	C14TC1	
36	1210140055	Trần Thu Thanh Hà	13/04/1994	<i>[Signature]</i>	7,3	bảy phẩy ba	C14TC1	
37	1210140056	Lê Phan Thanh Hải	28/02/1994	<i>[Signature]</i>	6	sáu	C14TC1	
38	1210140057	Ngô Văn Hải	04/12/1992	<i>[Signature]</i>	8,7	tám phẩy bảy	C14TC1	
39	1210140058	Phạm Ngọc Đông Hải	11/05/1994	<i>[Signature]</i>	9	chín	C14TC1	
40	1210140059	Vi Văn Hải	04/05/1992	<i>[Signature]</i>	9,3	chín phẩy ba	C14TC1	
41	1210140060	Đặng Thị Hào	15/01/1993	<i>[Signature]</i>	8	tám	C14TC1	
42	1210140061	Nguyễn Ngọc Hồng Hào	28/09/1993				C14TC1	
43	1210140062	Nguyễn Thị Hào	20/05/1994	<i>[Signature]</i>	7	bảy	C14TC1	
44	1210140045	Trang Phạm Vũ Hạ	22/09/1993		6,3	sáu phẩy ba	C14TC1	
45	1210140046	Cao Thị Hạnh	22/08/1994	<i>[Signature]</i>	8,3	tám phẩy ba	C14TC1	
46	1210140048	Nguyễn Thị Hạnh	22/11/1994	<i>[Signature]</i>	8	tám	C14TC1	
47	1210140049	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	04/11/1993	<i>[Signature]</i>	8,7	tám phẩy bảy	C14TC1	
48	1210140050	Trần Thị Mỹ Hạnh	09/10/1994				C14TC1	
49	1210140042	Phạm Thị Hằng	11/04/1994				C14TC1	
50	1210140043	Trần Thị Hằng	25/08/1994	<i>[Signature]</i>	9	chín	C14TC1	
51	1210140044	Trần Thị Thanh Hằng	28/01/1994	<i>[Signature]</i>	8,7	tám phẩy bảy	C14TC1	
52	1210140039	Lê Thái thị Ngọc Hân	05/08/1994	<i>[Signature]</i>	6	sáu	C14TC1	
53	1210140040	Lê Hoài Hân	22/07/1994	<i>[Signature]</i>	6,7	sáu phẩy bảy	C14TC1	
54	1210140063	Nguyễn Thị Hiền	24/04/1994	<i>[Signature]</i>	7,7	bảy phẩy bảy	C14TC1	
55	1210140064	Nguyễn Thị Thu Hiền	22/02/1994	<i>[Signature]</i>	9	chín	C14TC1	
56	1210140067	Nguyễn Thị Minh Hiếu	20/10/1993	<i>[Signature]</i>	6,7	sáu phẩy bảy	C14TC1	
57	1210140069	Trần Hòa Hiếu	15/08/1992	<i>[Signature]</i>	6,7	sáu phẩy bảy	C14TC1	
58	1210140070	Trần Trung Hiếu	02/07/1993	<i>[Signature]</i>	8,3	tám phẩy ba	C14TC1	
59	1210140071	Võ Trí Hiếu	28/06/1994	<i>[Signature]</i>	6	sáu	C14TC1	
60	1210140066	Trần Phi Hiệp	21/03/1993	<i>[Signature]</i>	8	tám	C14TC1	
61	1210140072	Nguyễn Thị Hồng Hoa	22/03/1994	<i>[Signature]</i>	7,7	bảy phẩy bảy	C14TC1	
62	1210140075	Đoàn Thị Thu Hoài	18/06/1994				C14TC1	
63	1210140077	Huỳnh Văn Hoàng	07/10/1994	<i>[Signature]</i>	8	tám	C14TC1	
64	1210140078	Lâm Minh Hoàng	17/02/1994				C14TC1	
65	1210140079	Nguyễn Ngọc Hoàng	09/05/1994	<i>[Signature]</i>	6,7	sáu phẩy bảy	C14TC1	
66	1210140080	Nguyễn Thanh Hoàng	18/01/1994	<i>[Signature]</i>	7,3	bảy phẩy ba	C14TC1	
67	1210140081	Nguyễn Thị Yên Hoàng	26/07/1994	<i>[Signature]</i>	6,7	sáu phẩy bảy	C14TC1	
68	1210140087	Trương Kiệt Hòa	11/05/1994	<i>[Signature]</i>	7,7	bảy phẩy bảy	C14TC1	
69	1210140088	Trương Thanh Hòa	12/02/1994	<i>[Signature]</i>	8,7	tám phẩy bảy	C14TC1	
70	1210140073	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/07/1994	<i>[Signature]</i>	7,3	bảy phẩy ba	C14TC1	
71	1210140074	Quách Ý Hồng	11/10/1994	<i>[Signature]</i>	7	bảy	C14TC1	
72	1210140096	Nguyễn Thanh Huy	19/01/1994				C14TC1	
73	1210140097	Thái Nguyễn Quốc Huy	12/07/1993	<i>[Signature]</i>	7,3	bảy phẩy ba	C14TC1	
74	1210140103	Vũ Thị Mỹ Huyền	01/01/1994	<i>[Signature]</i>	8	bảy	C14TC1	
75	1210140099	Đinh Thúy Huyền	25/08/1994	<i>[Signature]</i>	6,3	sáu phẩy ba	C14TC1	
76	1210140098	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	10/10/1992				C14TC1	
77	1210140100	Phạm Thị Thanh Huyền	15/11/1994	<i>[Signature]</i>	8	bảy	C14TC1	
78	1210140102	Tô Thị Ngọc Huyền	22/06/1994	<i>[Signature]</i>	7,3	bảy phẩy ba	C14TC1	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
79	1210140093	Hoàng Phi Hùng	29/06/1994				C14TC1	
80	1210140094	Huỳnh Cảnh Hùng	08/09/1994				C14TC1	
81	1210140095	Lương Phan Hùng	27/09/1993	<i>[Signature]</i>	8	<i>trăm</i>	C14TC1	
82	1210140082	Lý Huỳnh Hưng	15/03/1993	<i>[Signature]</i>	7,7	<i>ba bảy bảy</i>	C14TC1	
83	1210140083	Nguyễn Duy Hưng	16/11/1994				C14TC1	
84	1210140084	Nguyễn Minh Hưng	09/01/1992				C14TC1	
85	1210140085	Nguyễn Thành Hưng	20/02/1993	<i>[Signature]</i>	6,3	<i>sáu phẩy ba</i>	C14TC1	
86	1210140086	Tôn Trần Văn Hưng	01/06/1994	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>sáu phẩy bảy</i>	C14TC1	
87	1210140090	Mai Thị Xuân Hùng	20/04/1993	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>sáu phẩy bảy</i>	C14TC1	
88	1210140091	Phạm Thị Hùng	26/06/1994	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>sáu phẩy bảy</i>	C14TC1	
89	1210140104	Phạm Thị Tuyết Kha	24/08/1993	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>	C14TC1	
90	1210140105	Trần Minh Kha	04/11/1994	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>sáu phẩy bảy</i>	C14TC1	
91	1210140107	Nguyễn Phi Khanh	29/06/1994				C14TC1	
92	1210140109	Nguyễn Duy Khoa	09/02/1994	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>sáu phẩy bảy</i>	C14TC1	
93	1210140110	Trần Đăng Khoa	16/10/1994	<i>[Signature]</i>	7,7	<i>bảy phẩy bảy</i>	C14TC1	
94	1210140111	Vũ Thị Kim Kiều	30/07/1994	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>	C14TC1	
95	1210140116	Hà Thị Thanh Lam	31/05/1993	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>sáu phẩy bảy</i>	C14TC1	
96	1210140117	Mai Thị Kim Lan	15/09/1993	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>sáu phẩy bảy</i>	C14TC1	
97	1210140118	Nguyễn Thị Thanh Lan	11/10/1994	<i>[Signature]</i>	8	<i>trăm</i>	C14TC1	
98	1210140115	Cao Chi Lăng	07/11/1994	<i>[Signature]</i>	8	<i>trăm</i>	C14TC1	
99	1210140112	Phan Thanh Lâm	12/10/1994	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>sáu phẩy bảy</i>	C14TC1	
100	1210140113	Trần Thanh Lâm	01/10/1994	<i>[Signature]</i>	7,7	<i>bảy phẩy bảy</i>	C14TC1	
101	1210140114	Trương Hoàng Lâm	04/03/1994	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>	C14TC1	
102	1210140119	Nguyễn Thị Nhật Lệ	10/02/1994	<i>[Signature]</i>	8,3	<i>trăm phẩy ba</i>	C14TC1	
103	1210140120	Lê Tiêu Ngọc Liên	26/01/1994	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>	C14TC1	
104	1210140121	Tô Kiều Mai Liên	020/9/1994	<i>[Signature]</i>	8	<i>trăm</i>	C14TC1	
105	1210140122	Chạc Ngọc Linh	09/01/1992				C14TC1	
106	1210140123	Dương Thị Mỹ Linh	21/08/1994				C14TC1	
107	1210140124	Hoàng Thùy Linh	08/04/1994	<i>[Signature]</i>	6,3	<i>sáu phẩy ba</i>	C14TC1	
108	1210140126	Nguyễn Dũng Thanh Long	18/05/1994				C14TC1	
109	1210140128	Hồ Thanh Tú	26/04/1994	<i>[Signature]</i>	8,3	<i>trăm phẩy ba</i>	C14TC1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____ / _____

Số sinh viên đạt/không đạt: _____



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Marketing căn bản - 1104006

Mã lớp học phần: 110400602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: 15/11/14 Giờ thi: 16:00 Phòng thi: 711.11

Giám thị 1: N. Trí Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: V. Phương Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: P. Thuận Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210140001	Nguyễn Hoàng Ân	01/01/1992	<u>[Signature]</u>		4,5	Bạn năm	C14TC1	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Marketing căn bản - 1104006

Mã lớp học phần: 110400602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: 10/01/2013 Giờ thi: 9.30

Phòng thi: B.1.7 + B.1.8

Giám thị 1: D. Thị Khuê Ký tên: *[Signature]*

Giám thị 2: Văn Hồng Ký tên: *[Signature]*

Giám thị 3: B. Thủy Ký tên: *[Signature]*

Giám thị 4: Kiều Nhi Ký tên: *[Signature]*

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210140002	Lê Đoàn Phương An	30/11/1994	<i>[Signature]</i>		6,7	Sai bảy	C14TC1	
2	1210140003	Lê Thị Việt Anh	14/12/1994	<i>[Signature]</i>		5,3	Năm ba	C14TC1	
3	1210140006	Phạm Loan Anh	24/05/1994	<i>[Signature]</i>		4,8	bốn tám	C14TC1	
4	1210140007	Trần Đoàn Anh	23/05/1994	<i>[Signature]</i>		9,2	chín hai	C14TC1	
5	1210140008	Trương Lữ Nguyệt Anh	06/02/1992	<i>[Signature]</i>		6,2	Sai hai	C14TC1	
6	1210140001	Nguyễn Hoàng Ân	01/01/1992					C14TC1	✓
7	1210140009	Thạch Thị Sa Bene	06/02/1992	<i>[Signature]</i>		6,5	Sai lăm	C14TC1	
8	1210140011	Võ Thị Cẩm Bình	20/04/1993	<i>[Signature]</i>		7,3	bảy ba	C14TC1	
9	1210140010	Đoàn thị Ngọc Bích	03/08/1994	<i>[Signature]</i>		7,3	bảy ba	C14TC1	
10	1210140012	Bành Gia Bội	20/10/1994	<i>[Signature]</i>		7,5	bảy lăm	C14TC1	
11	1210140013	Nguyễn Võ Sơn Ca	02/08/1994	<i>[Signature]</i>		6,7	Sai bảy	C14TC1	
12	1210140014	Lê Hải Châu	31/10/1992					C14TC1	✓
13	1210140015	Nguyễn Thị Viễn Châu	22/01/1994	<i>[Signature]</i>		7,8	bảy tám	C14TC1	
14	1210140016	Trương Lê Ngọc Châu	28/01/1990	<i>[Signature]</i>		6,7	Sai bảy	C14TC1	
15	1210140017	Lê Hồng Chiến	09/11/1993	<i>[Signature]</i>		8,5	tám lăm	C14TC1	
16	1210140019	Nguyễn Thanh Chung	10/02/1994					C14TC1	✓
17	1210140021	Trần Minh Cường	20/08/1994					C14TC1	✓
18	1210140022	Nguyễn Văn Danh	26/10/1994					C14TC1	✓
19	1210140031	Nguyễn Thị Kim Dung	26/12/1994					C14TC1	✓
20	1210140032	Huỳnh Minh Duy	23/03/1994	<i>[Signature]</i>		7,7	bảy bảy	C14TC1	
21	1210140033	Trần Thị Thanh Duyên	01/05/1994	<i>[Signature]</i>		8	tám	C14TC1	
22	1210140023	Nguyễn Dur	15/10/1994	<i>[Signature]</i>		8,5	tám lăm	C14TC1	
23	1210140024	Lê Thị Thùy Dương	18/03/1994	<i>[Signature]</i>		6,3	Sai ba	C14TC1	
24	1210140025	Ngô Minh Dương	09/10/1994	<i>[Signature]</i>		8	tám	C14TC1	
25	1210140026	Nguyễn Hoàng Dương	01/04/1994	<i>[Signature]</i>		6,7	Sai bảy	C14TC1	
26	1210140027	Nguyễn Mỹ Thùy Dương	10/01/1993	<i>[Signature]</i>		7,6	bảy sáu	C14TC1	
27	1210140028	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/02/1994	<i>[Signature]</i>		5,8	Năm tám	C14TC1	
28	1210140029	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/08/1994	<i>[Signature]</i>		6,3	Sai ba	C14TC1	
29	1210140035	Đỗ Thị Lệ Giang	20/11/1992	<i>[Signature]</i>		7,2	bảy hai	C14TC1	
30	1210140036	Phạm Nguyễn Trường Giang	06/10/1994	<i>[Signature]</i>		7,7	bảy bảy	C14TC1	
31	1210140037	Nguyễn Thanh Giàu	15/04/1994					C14TC1	✓
32	1210140038	Phan Thị Giàu	19/01/1994	<i>[Signature]</i>		7,8	bảy tám	C14TC1	
33	1210140051	Nguyễn Hoàng Hà	25/03/1994	<i>[Signature]</i>		6,3	Sai ba	C14TC1	
34	1210140052	Nguyễn Khánh Hà	01/08/1994	<i>[Signature]</i>		5,8	Năm tám	C14TC1	

T	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1210140053	Nguyễn Thị Thu Hà	24/02/1994			5,2	Năm hai	C14TC1	
36	1210140055	Trần Thu Thanh Hà	13/04/1994			5,7	Năm bảy	C14TC1	
37	1210140056	Lê Phan Thanh Hải	28/02/1994					C14TC1	✓
38	1210140057	Ngô Văn Hải	04/12/1992			8,3	tám ba	C14TC1	
39	1210140058	Phạm Ngọc Đông Hải	11/05/1994			7,2	bảy hai	C14TC1	
40	1210140059	Vì Văn Hải	04/05/1992			6,3	Sáu ba	C14TC1	
41	1210140060	Đặng Thị Hào	15/01/1993			5,7	Năm bảy	C14TC1	
42	1210140061	Nguyễn Ngọc Hồng Hào	28/09/1993					C14TC1	✓
43	1210140062	Nguyễn Thị Hào	20/05/1994			8,2	tám hai	C14TC1	
44	1210140045	Trang Phạm Vũ Hạ	22/09/1993					C14TC1	✓
45	1210140046	Cao Thị Hạnh	22/08/1994			5,3	Năm ba	C14TC1	
46	1210140048	Nguyễn Thị Hạnh	22/11/1994			7,2	bảy hai	C14TC1	
47	1210140049	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	04/11/1993			8,8	tám tám	C14TC1	
48	1210140050	Trần Thị Mỹ Hạnh	09/10/1994					C14TC1	✓
49	1210140042	Phạm Thị Hằng	11/04/1994					C14TC1	✓
50	1210140043	Trần Thị Hằng	25/08/1994			8,5	tám lăm	C14TC1	
51	1210140044	Trần Thị Thanh Hằng	28/01/1994			8,2	tám hai	C14TC1	
52	1210140039	Lê Thái thị Ngọc Hân	05/08/1994			5,7	Năm bảy	C14TC1	
53	1210140040	Lê Hoài Hân	22/07/1994			8	tám	C14TC1	
54	1210140063	Nguyễn Thị Hiền	24/04/1994			6,8	Sáu tám	C14TC1	
55	1210140064	Nguyễn Thị Thu Hiền	22/02/1994			7,2	bảy hai	C14TC1	
56	1210140067	Nguyễn Thị Minh Hiếu	20/10/1993			5	Năm	C14TC1	
57	1210140069	Trần Hòa Hiếu	15/08/1992			6,3	Sáu ba	C14TC1	
58	1210140070	Trần Trung Hiếu	02/07/1993			7,3	bảy ba	C14TC1	
59	1210140071	Võ Trí Hiếu	28/06/1994			7,8	bảy tám	C14TC1	
60	1210140066	Trần Phi Hiệp	21/03/1993			7,2	bảy hai	C14TC1	
61	1210140072	Nguyễn Thị Hồng Hoa	22/03/1994			8,5	tám lăm	C14TC1	
62	1210140075	Đoàn Thị Thu Hoài	18/06/1994					C14TC1	✓
63	1210140077	Huỳnh Văn Hoàng	07/10/1994			4,7	bốn bảy	C14TC1	
64	1210140078	Lâm Minh Hoàng	17/02/1994					C14TC1	✓
65	1210140079	Nguyễn Ngọc Hoàng	09/05/1994			7,7	bảy bảy	C14TC1	
66	1210140080	Nguyễn Thanh Hoàng	18/01/1994			6,8	Sáu tám	C14TC1	
67	1210140081	Nguyễn Thị Yến Hoàng	26/07/1994			7,8	bảy tám	C14TC1	
68	1210140087	Trương Kiệt Hòa	11/05/1994			4,8	bốn tám	C14TC1	
69	1210140088	Trương Thanh Hòa	12/02/1994			6,7	Sáu bảy	C14TC1	
70	1210140073	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/07/1994			8,3	tám ba	C14TC1	
71	1210140074	Quách Ý Hồng	11/10/1994			7,8	bảy tám	C14TC1	
72	1210140096	Nguyễn Thạnh Huy	19/01/1994					C14TC1	✓
73	1210140097	Thái Nguyễn Quốc Huy	12/07/1993			5	Năm	C14TC1	
74	1210140103	Vũ Thị Mỹ Huyền	01/01/1994			6,2	Sáu hai	C14TC1	
75	1210140099	Đinh Thúy Huyền	25/08/1994			4,7	bốn bảy	C14TC1	
76	1210140098	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	10/10/1992					C14TC1	✓
77	1210140100	Phạm Thị Thanh Huyền	15/11/1994			7,7	bảy bảy	C14TC1	
78	1210140102	Tô Thị Ngọc Huyền	22/06/1994			8,5	tám lăm	C14TC1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
79	1210140093	Hoàng Phi Hùng	29/06/1994					C14TC1	✓
80	1210140094	Huỳnh Cảnh Hùng	08/09/1994					C14TC1	✓
81	1210140095	Lương Phan Hùng	27/09/1993	<i>HL</i>		8,7	tám bảy	C14TC1	
82	1210140082	Lýa Huỳnh Hưng	15/03/1993	<i>HL</i>		8,3	tám ba	C14TC1	
83	1210140083	Nguyễn Duy Hưng	16/11/1994					C14TC1	✓
84	1210140084	Nguyễn Minh Hưng	09/01/1992					C14TC1	✓
85	1210140085	Nguyễn Thành Hưng	20/02/1993	<i>HL</i>		7,5	bảy năm	C14TC1	
86	1210140086	Tôn Trần Văn Hưng	01/06/1994	<i>Hung</i>		5,8	Năm tám	C14TC1	
87	1210140090	Mai Thị Xuân Hường	20/04/1993	<i>Tha</i>		7,5	bảy lăm	C14TC1	
88	1210140091	Phạm Thị Hường	26/06/1994	<i>Ph</i>		5,3	Năm ba	C14TC1	
89	1210140104	Phạm Thị Tuyết Kha	24/08/1993	<i>Kha</i>		8,5	tám lăm	C14TC1	
90	1210140105	Trần Minh Kha	04/11/1994	<i>K</i>		7,5	bảy lăm	C14TC1	
91	1210140107	Nguyễn Phi Khanh	29/06/1994					C14TC1	✓
92	1210140109	Nguyễn Duy Khoa	09/02/1994	<i>Khoa</i>		7,3	bảy ba	C14TC1	
93	1210140110	Trần Đăng Khoa	16/10/1994	<i>Ker</i>		8,8	tám tám	C14TC1	
94	1210140111	Vũ Thị Kim Kiều	30/07/1994	<i>Kim</i>		8,7	tám bảy	C14TC1	
95	1210140116	Hà Thị Thanh Lam	31/05/1993	<i>Lam</i>		7,5	bảy lăm	C14TC1	
96	1210140117	Mai Thị Kim Lan	15/09/1993	<i>Kim</i>		7	bảy	C14TC1	
97	1210140118	Nguyễn Thị Thanh Lan	11/10/1994	<i>Lan</i>		8,2	tám hai	C14TC1	
98	1210140115	Cao Chi Lăng	07/11/1994	<i>Chi</i>		7	bảy	C14TC1	
99	1210140112	Phan Thanh Lâm	12/10/1994	<i>Lam</i>		7,8	bảy tám	C14TC1	
100	1210140113	Trần Thanh Lâm	01/10/1994	<i>Lam</i>		7,8	bảy tám	C14TC1	
101	1210140114	Trương Hoàng Lâm	04/03/1994	<i>Lam</i>		8,7	tám bảy	C14TC1	
102	1210140119	Nguyễn Thị Nhật Lệ	10/02/1994	<i>Nhật</i>		7,3	bảy ba	C14TC1	
103	1210140120	Lê Tiêu Ngọc Liên	26/01/1994	<i>Liên</i>		8,8	tám tám	C14TC1	
104	1210140121	Tô Kiều Mai Liên	020/9/1994	<i>Liên</i>		8	tám	C14TC1	
105	1210140122	Chạc Ngọc Linh	09/01/1992					C14TC1	✓
106	1210140123	Dương Thị Mỹ Linh	21/08/1994					C14TC1	✓
107	1210140124	Hoàng Thùy Linh	08/04/1994	<i>Linh</i>		7,2	bảy hai	C14TC1	
108	1210140126	Nguyễn Dũng Thanh Long	18/05/1994					C14TC1	✓
109	1210140128	Hồ Thanh Tú	26/04/1994	<i>Tu</i>		6,8	sáu tám	C14TC1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đăng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

018 ... R18